

Số: 133 /BC-BCĐ

Kiên Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
6 tháng đầu năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019**

Phần thứ nhất **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, vận động

Đài Truyền thanh cấp huyện, tỉnh duy trì chuyên mục “Chung tay xây dựng nông thôn mới” phát sóng hàng tuần với hơn 117 tin bài.

Phát động Lễ ra quân thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đến cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn các ấp của xã Phú Mỹ và Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành, tổ chức 10 cuộc tuyên truyền về bảo hiểm y tế, kết quả đã vận động được 960 người dân tham gia bảo hiểm y tế.

Tiếp tục thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Vận động nhân dân thực hiện thấp sáng đường quê, làm hàng rào, cột cờ, tham gia làm hồ rác, nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh, giữ gìn vệ sinh môi trường trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh,... cụ thể: Huyện Châu Thành vận động nhân dân đóng góp 286 triệu đồng xây dựng 02 căn nhà cho hội viên, hộ dân nghèo, làm mới 4 cây cầu, sửa chữa 2,5 km đường giao thông nông thôn, đồng thời tổ chức thu gom 575 kg vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật (BTV) chuyển đi xử lý theo quy định; huyện Giồng Riềng tổ chức chiến dịch ra quân vệ sinh môi trường trồng 1.300 cây hoa Hoàng Yến trên địa bàn xã Vĩnh Phú, Bàn Tân Định.

Ngoài ra, các cấp tổ chức tuyên truyền lồng ghép vào các cuộc họp Chi bộ, Tổ nhân dân tự quản (NDTQ), các chi hội đoàn thể và thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri được 659 cuộc với 21.305 lượt đoàn viên, hội viên và nhân dân tham dự.

2. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kiên Giang và Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của



Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định và công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2018.

3. Các cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện

Triển khai Quyết định số 633/QĐ-UBND, 634/QĐ-UBND, 635/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh bổ sung một số nội dung tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2019-2020; Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí áp nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo. Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 về phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2019 từ nguồn ngân sách Trung ương và Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 24/01/2019, Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 10/5/2019, Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương. Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh về công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019.

Xây dựng Đề cương Chương trình “Mỗi xã Một sản phẩm” (OCOP) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025. Tiếp tục thực hiện Dự án “Phát triển cánh đồng lớn trên lúa, lúa - tôm tại tỉnh Kiên Giang năm 2018”.

Ban hành Kế hoạch số 66/KH-BCĐ ngày 24/4/2019 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh về Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Hướng dẫn số 651/HD-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về tổng kết phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020”.

4. Tổ chức đào tạo, tập huấn cán bộ thực hiện Chương trình

Rà soát, xây dựng kế hoạch tổ chức 16 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho các đối tượng là cán bộ, công chức tham gia công tác xây dựng nông thôn mới các cấp.

Phối hợp với Hội Nông dân tỉnh và Hội Cựu chiến binh tỉnh tổ chức 02 lớp tập huấn triển khai chủ trương mới về thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh năm 2019 cho các đối tượng làm công tác đoàn thể các cấp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Thường xuyên chỉ đạo các xã thực hiện công tác quản lý, rà soát quy hoạch và có điều chỉnh, bổ sung quy hoạch gắn với quy hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Kết quả quy hoạch xây dựng vùng nhằm đáp ứng tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ, đến nay tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng phối hợp với các sở ngành và

đơn vị có liên quan đang trong quá trình tổ chức thực hiện công tác lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng cho 04 huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020, gồm: Gò Quao, Vĩnh Thuận, Giồng Riềng và Kiên Lương.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

Giao thông nông thôn: Thực hiện được 192,75 km/382 km đường giao thông nông thôn, đạt 50,4% kế hoạch năm. Giá trị thực hiện là 198,408/439,720 tỷ đồng, đạt 45,1% kế hoạch năm. Lũy kế đến nay, tổng số km đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh được cứng hóa là 5.777,6 km/7.084 km đạt 81,56%.

Điện nông thôn: Tổng vốn đầu tư cho hệ thống điện trên địa bàn tỉnh là 99,28 tỷ đồng cho 31 công trình (vốn ngành điện) với khối lượng đầu tư: Trung thế 218,87 km; hạ thế 226,61 km, tổng dung lượng trạm biến áp 48.356,5 kVA. Hiện nay, ngành điện đang thực hiện đầu tư, dự kiến tháng 8/2019 hoàn thành. Trong đó: Có 31 công trình phục vụ điện sinh hoạt với kinh phí 69,28 tỷ đồng và 03 công trình phục vụ điện bơm tát trong sản xuất nông nghiệp cho 19.175 ha diện tích sản xuất với kinh phí 30 tỷ đồng.

3. Phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập

Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển 15.000 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả và Phát triển hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, tiêu thụ nông sản đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh; tổ chức lấy ý kiến các sở ban ngành và đơn vị có liên quan thông qua chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch và chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã (HTX) nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; triển khai kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2019 theo Quyết định số 5147/QĐ-BNN-KTHT ngày 26/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, toàn tỉnh thành lập mới được 05 HTX nông nghiệp. Lũy kế đến nay có 361 HTX (296 HTX trồng trọt, 58 HTX nuôi trồng thủy sản, 05 HTX tiểu thủ công nghiệp và 02 HTX chăn nuôi) với 30.582 thành viên, tổng số vốn điều lệ 49.085 triệu đồng, diện tích sản xuất 52.165 ha. Kết quả đánh giá, phân loại các HTX nông nghiệp năm 2018 theo Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh có 43/356 HTX hoạt động tốt; 117/356 HTX hoạt động khá.

Về đào tạo nghề, giải quyết việc làm: Các cơ sở đào tạo trong tỉnh tổ chức dạy nghề cho 12.240 lượt người đạt 48,9% kế hoạch, trong đó: Cao đẳng 900 người, trung cấp nghề 1.200 người, sơ cấp và dạy nghề dưới 03 tháng 10.140 người; giải quyết việc làm cho 17.893 lượt lao động đạt 51,1 % kế hoạch, trong đó: Trong tỉnh 8.590 lượt lao động, ngoài tỉnh 9.224 lượt lao động, xuất khẩu 79 lao động; giải quyết trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho 1.418 lao động.

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội

Tết nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019 hỗ trợ cho trẻ em trên địa bàn tỉnh, với tổng kinh phí 3,106 tỷ đồng, có 8.812 trẻ em được trợ giúp và 4.158 lượt trẻ em tham gia các hoạt động vui chơi giải trí. Chăm sóc, quản lý tốt 219 đối tượng gồm trẻ mồ côi, người khuyết tật, tâm thần, già neo đơn.

Trao tặng 140 suất học bổng và 30 suất quà với tổng kinh phí 76 triệu đồng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh. Phối hợp Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long trao 01 suất học bổng "Thắp sáng niềm tin" và 10 suất học bổng Trần Đại Nghĩa với tổng kinh phí 90 triệu đồng do công ty ADC tài trợ. Tiếp nhận kinh phí tài trợ 250 triệu đồng từ Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam.

Tổ chức tọa đàm, trao đổi về công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ có 65 người tham dự, 07 lớp tập huấn truyền thông cho cán bộ xã, ấp về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực năm 2019 với 800 người tham dự, 05 lớp tập huấn về mô hình ngôi nhà an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích cho trẻ em tại các xã, có 193 đại biểu tham dự.

5. Phát triển giáo dục

Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm, hệ thống trường lớp được đầu tư, tập trung xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường đạt chuẩn xanh, sạch, đẹp và an toàn. Chương trình đào tạo, chất lượng dạy và học được nâng lên, cụ thể: Tổ chức tập huấn cho cấp huyện về tăng cường tiếng Việt, chỉ đạo dạy học theo tài liệu “Em nói tiếng Việt” cho học sinh người dân tộc thiểu số chuẩn bị vào lớp 1; xây dựng thể lệ cuộc thi “Đồ dùng dạy học tự làm cấp tiểu học” và cuộc thi tiếng Anh cấp tiểu học - “Rung Chuông vàng”; tham gia ‘Ngày hội Pháp ngữ’ tại Cần Thơ, có 02 học sinh đạt giải Nhất trong cuộc thi thuyết trình dự án kinh doanh sản phẩm thủ công của địa phương và 01 học sinh được nhận suất học bổng trị giá 2 triệu đồng dành cho học sinh học tiếng Pháp đạt thành tích xuất sắc trong học tập.

6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa

Tình hình dịch bệnh được kiểm soát chủ động kịp thời không để dịch lớn xảy ra; tăng cường tuyên truyền tư vấn khám phát hiện sớm và điều trị kịp thời có hiệu quả, chất lượng khám chữa bệnh ngày càng được nâng lên.

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, tuyên truyền cổ động phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng đảm bảo thiết thực, an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

7. Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Toàn tỉnh hiện có 61 hệ thống cấp nước, lắp đặt mới 2.448 cái đồng hồ nước, nâng tổng số đồng hồ nước đang quản lý 58.127 cái; tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 95,81 % trong đó nước sạch là 41,21%.

Tiếp tục chỉ đạo xử lý kịp thời các điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, cải thiện môi trường.

8. Nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân

Công tác đào tạo, tập huấn đội ngũ cán bộ xã áp được quan tâm, cán bộ xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; bố trí đầy đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở theo quy định, Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính mà trọng tâm là tuyên truyền về nội dung kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020; hiện nay thủ tục hành chính áp dụng trên địa bàn tỉnh là 2.025 thủ tục, trong đó: Cấp tỉnh 1.619 thủ tục, cấp huyện 276 thủ tục, cấp xã 130 thủ tục; tiếp tục duy trì thực hiện cơ chế một cửa, một cửa điện tử tại 21/22 cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, 15/15 UBND huyện, thành phố.

Công tác phổ biến giáo dục pháp luật có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là công tác chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện. Nội dung tuyên truyền bám sát chủ trương, đường lối chính sách của đảng, các quy định của pháp luật, phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn. Hình thức tuyên truyền được đa dạng như: Tổ chức hội nghị trực tuyến, lồng ghép các cuộc họp, trên báo đài,... kết quả đã tổ chức hơn 7.860 cuộc tuyên truyền trực tiếp với 277.255 lượt người tham dự, biên soạn, in ấn và cấp phát miễn phí 6.046 tài liệu.

9. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, nắm tình hình, quản lý địa bàn, giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh trên địa bàn. Công tác huấn luyện diễn tập, tuần tra kiểm soát bảo vệ chủ quyền biển đảo được thực hiện tốt. Công tác tuyên chọn, gọi công dân nhập ngũ thực hiện đạt chỉ tiêu đề ra. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo ổn định, không xảy ra các vụ chống đối nghiêm trọng, tranh chấp khiếu kiện một số nơi không phát sinh thêm.

10. Công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

Trong 6 tháng đầu năm, Đoàn giám sát 1832 của tỉnh thực hiện Quyết định số 1832-QĐ/TU và Kế hoạch số 162-KH/TU ngày 14/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giám sát việc tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 27/02/2013 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 trên địa bàn các huyện: Giang Thành, Giồng Riềng, Hòn Đất, Châu Thành, U Minh Thượng. Qua thời gian giám sát nhận thấy:

+ Công tác triển khai, quán triệt, tuyên truyền, vận động nhân dân về xây dựng nông thôn mới, nhìn chung hầu hết các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể từ huyện đến cơ sở có sự chuyển biến nâng lên về nhận thức, có quyết tâm trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới, kết quả số xã đạt chuẩn nông thôn mới ngày càng được tăng lên và giữ vững.



+ Tuy nhiên, vẫn còn một số địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể hoá và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy còn chậm, việc tuyên truyền, vận động chưa được thường xuyên, liên tục, chưa thật sự sâu rộng, nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về xây dựng nông thôn mới còn hạn chế; một bộ phận nhân dân còn trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước; đặc biệt là sự chênh lệch rất lớn giữa các huyện, qua 05 huyện được giám sát thì Giồng Riềng, Châu Thành và U Minh Thượng cơ bản đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết về số xã đạt chuẩn (trên 50%) và bình quân đạt từ 16,6 tiêu chí/xã trở lên, Hòn Đất và Giang Thành đạt thấp hơn trung bình toàn tỉnh kể cả xã và bình quân tiêu chí/xã, trong đó Hòn Đất đạt 4/12 xã (33,33%), tiêu chí bình quân là 15 tiêu chí/xã, xã Bình Giang đạt 9 tiêu chí. Riêng Giang Thành chưa có xã nào đạt chuẩn, tiêu chí bình quân là 14,4 tiêu chí/xã.

11. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

Nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2019 phân bổ là 164,5 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển (ĐTPT) 123,5 tỷ đồng (101,2 tỷ đã phân bổ, còn lại 22,3 tỷ đồng dự phòng đang trình cấp có thẩm quyền quyết định), vốn sự nghiệp 41 tỷ đồng. Thực hiện Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 đến nay đã giải ngân được 10,016 tỷ đồng/101,2 tỷ vốn đầu tư phát triển đạt 9,8 %, vốn sự nghiệp đang triển khai thực hiện các thủ tục theo quy định.

Nguồn vốn lồng ghép ngân sách địa phương cân đối năm 2019 đến nay là 988,752 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển là 809,052 tỷ đồng đã có phân bổ, vốn sự nghiệp là 79,7 tỷ đồng (61,7 tỷ đồng đã phân bổ, 18 tỷ đồng đang trình cấp có thẩm quyền quyết định).

12. Kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí

Xã nông thôn mới: Toàn tỉnh bình quân đạt 16,7 tiêu chí/xã, kết quả cụ thể như sau: Trong 6 tháng đầu năm đã công nhận 07/12 xã đạt chuẩn (58,33% kế hoạch năm 2019), lũy kế đến nay có 58/117 xã đạt chuẩn nông thôn mới, có 01 xã đạt thấp nhất 9 tiêu chí (xã Bình Giang, huyện Hòn Đất) và các xã còn lại đạt từ 10 tiêu chí trở lên (*phụ lục chi tiết kèm theo*).

Hiện nay, các xã đạt chuẩn nông thôn mới phấn đấu lên xã nông thôn mới kiểu mẫu, ấp nông thôn mới.

Huyện nông thôn mới: Lũy kế đến nay có 01/15 huyện, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Thời gian qua, bộ máy chỉ đạo, điều hành chương trình các cấp được hình thành đồng bộ, tập trung triển khai các chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả, nhận thức của phần lớn cán bộ và người dân về xây dựng nông thôn mới có chuyển biến rõ nét, cụ thể số xã đạt chuẩn nông thôn mới ngày càng tăng, tiêu chí bình quân toàn tỉnh đạt cao so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (Nghị quyết đề ra đến năm 2020 đạt 16,6 tiêu chí/xã, đến nay đã đạt 16,7 tiêu chí/xã).

Tuy nhiên, tình hình xây dựng nông thôn mới còn tồn tại một số vấn đề như: Chất lượng vệ sinh môi trường chưa được quan tâm đúng mức, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống sinh hoạt của người dân nông thôn; sự quan tâm chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền còn hạn chế, chưa chủ động trong bố trí lồng ghép các chương trình; việc vận động xã hội hóa nguồn lực ở một số địa phương còn khó khăn do thu nhập người dân nông thôn còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao; việc thực hiện cảnh quan môi trường, xử lý rác thải, chất thải chưa tốt, một số xã vẫn còn nhà vệ sinh trên sông; tỷ lệ các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh chưa đồng đều, đến nay còn huyện Giang Thành chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019

I. MỤC TIÊU

Phấn đấu 6 tháng cuối năm 2019 công nhận thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã toàn tỉnh đạt 63/117 xã, chiếm 53,8%; trong đó, tập trung hướng dẫn chỉ đạo 04 huyện: Giồng Riềng, Gò Quao, Vĩnh Thuận và Kiên Lương có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới và có thêm huyện đạt chuẩn nông thôn mới 2019.

Hoàn thành các chỉ tiêu về: Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 96,79%; hộ sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,2%; giao thông nông thôn áp và liên ấp được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 83,4%; người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 88%; xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 86,9%; giải quyết việc làm cho 35.000 lượt lao động trở lên; lao động qua đào tạo đạt 64% (trong đó, lao động qua đào tạo nghề có bằng cấp, chứng chỉ đạt 49%); tỷ lệ hộ nghèo giảm 1-1,5%/năm.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

Tổ chức thẩm định và xét công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn các huyện: Giồng Riềng, Gò Quao, Vĩnh Thuận, Kiên Lương, Tân Hiệp, Hòn Đất, Châu Thành, U Minh Thượng theo kế hoạch.

Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Đề án Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2025.

Tiếp tục triển khai hướng dẫn thực hiện xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu và ấp nông thôn mới nhằm đạt mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện các nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các huyện, thành phố năm 2019.

Tập trung chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện nguồn vốn được phân bổ chi tiết năm 2019, đối với vốn đầu tư phát triển ưu tiên đầu tư xây dựng cho các nội dung như: Giao thông, thủy lợi nội đồng, điện, trường học, trạm y tế, môi trường; đối với nguồn vốn sự nghiệp tập trung triển khai đầu tư cho các mô hình phù hợp với điều kiện địa phương, mang lại hiệu quả, có tính nhân rộng, đồng thời gắn với chuỗi giá trị sản xuất - tiêu thụ, đảm bảo an toàn thực phẩm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Kiên Giang./ *Duy*

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT;
- VPĐP NTM TW;
- TT.Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- VPĐP NTM tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, cvquoc.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Đỗ Thanh Bình**



Phụ lục

BẢNG TỔNG HỢP 19 TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN THÁNG 6 NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 133 /BC-BCĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTOG tỉnh Kiên Giang)

Stt	Địa phương/Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19			
		QH	GT	TL	Điện	TH	CSV CVH	CSHT TMNT	TT& TT	Nhà ở DC	TN	HN	LĐ có VL	TC SX	GD & ĐT	YT	VH	MT & ATP	HT CT & TCPL	QP & AN			
I	Tp. Rạch Giá (1)																						
1	Xã Phi Thông	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
II	Tp. Hà Tiên (3)																						
2	Xã Tiên Hải	X	X	X		X			X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	15	
3	Xã Thuận Yên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
III	Huyện Giang Thành (5)																						
4	Xã Vĩnh Điều	X	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	X	X	X		X		X	15	
5	Xã Vĩnh Phú	X		X	X	X		X	X		X		X	X	X		X			X	X	12	
6	Xã Tân Khánh Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X	X	17	
7	Xã Phú Lợi	X		X	X	X		X	X				X		X	X	X				X	11	
8	Xã Phú Mỹ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	X	17	
IV	Huyện Kiên Lương (7)																						
9	Xã Kiên Bình	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X		X		X		X	15	
10	Xã Hòa Điền	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
11	Xã Bình Trị	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X		X		X		X	15	
12	Xã Bình An	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
13	Xã Dương Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
14	Xã Hòn Nghệ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
15	Xã Sơn Hải	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
V	Huyện Hòn Đất (12)																						
16	Xã Mỹ Lâm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
17	Xã Sơn Kiên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
18	Xã Thổ Sơn	X	X	X				X	X		X		X	X	X	X	X		X	X	X	13	



Stt	Địa phương/Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19			
		QH	GT	TL	Điện	TH	CSV CVH	CSHT TMNT	TT& TT	Nhà ở DC	TN	HN	LĐ có VL	TC SX	GD & ĐT	YT	VH	MT & ATP	HT CT & TCPL	QP & AN			
19	Xã Bình Sơn	X	X	X	X			X	X	X	X		X		X		X		X		12		
20	Xã Bình Giang	X		X		X		X		X			X		X	X	X				9		
21	Xã Mỹ Thái	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã thông qua	
22	Xã Nam Thái Sơn	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X		X			X	X	16		
23	Xã Mỹ Hiệp Sơn	X		X	X			X	X	X	X	X	X	X		X			X	X	14		
24	Xã Sơn Bình	X	X	X	X					X	X	X	X	X		X			X	X	13		
25	Xã Mỹ Thuận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận	
26	Xã Linh Huỳnh	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X		X			X	X	15		
27	Xã Mỹ Phước	X			X			X	X	X		X	X		X	X	X			X	X	12	
VI	Huyện Kiên Hải (4)																						
28	Xã Hòn Tre	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X	X	18	
29	Xã Lại Sơn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận	
30	Xã An Sơn	X	X	X	X	X			X	X	X	X		X	X	X			X	X	15		
31	Xã Nam Du	X	X	X	X	X			X		X	X	X	X	X	X	X			X	X	15	
VII	Huyện Phú Quốc (8)																						
32	Xã Cửa Cạn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận	
33	Xã Cửa Dương	X	X	X	X			X	X	X	X	X		X	X						12		
34	Xã Dương Tơ	X	X	X	X			X	X	X	X	X		X	X						12		
35	Xã Hàm Ninh	X	X	X	X			X	X	X	X	X		X	X	X					13		
36	Xã Gành Dầu	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X					X	15	
37	Xã Hòn Thơm	X	X	X	X			X	X		X	X	X		X	X					11		
38	Xã Bãi Thơm	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X					14		
39	Xã Thổ Châu	X	X	X	X		X	X	X	X		X	X		X	X	X				13		
VIII	Huyện Tân Hiệp (10)																						
40	Xã Tân Hiệp A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận	
41	Xã Thạnh Đông A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận	

1/2/2021

Stt	Địa phương/Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CSV CVH	CSHT TMNT	TT& TT	Nhà ở DC	TN	HN	LD có VL	TC SX	GD & ĐT	YT	VH	MT & ATTP	HT CT & TCPL	QP & AN		
42	Xã Tân Hiệp B	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
43	Xã Tân Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
44	Xã Tân An	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
45	Xã Tân Hội	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
46	Xã Thạnh Đông B	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
47	Xã Thạnh Đông	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
48	Xã Thạnh Trị	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã thông qua
49	Xã Tân Thành	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
IX	Huyện Châu Thành (9)																					
50	Xã Mong Thọ A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
51	Xã Mong Thọ B	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
52	Xã Mong Thọ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
53	Xã Thạnh Lộc	X	X		X		X	X	X			X	X	X		X		X	X	X	13	
54	Xã Giục Tượng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã thông qua
55	Xã Vĩnh Hòa Hiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
56	Xã Vĩnh Hòa Phú	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X		X			X	X	15	
57	Xã Bình An	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X		X			X	X	15	
58	Xã Minh Hòa	X	X	X	X			X	X	X	X		X	X	X	X			X	X	15	
X	Huyện Giồng Riềng(18)																					
59	Xã Hòa Hưng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
60	Xã Ngọc Chúc	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
61	Xã Thạnh Hưng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
62	Xã Long Thạnh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
63	Xã Hòa Lợi	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
64	Xã Hòa An	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
65	Xã Hòa Thuận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận

Stt	Địa phương/Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CSV CVH	CSHT TMNT	TT& TT	Nhà ở DC	TN	HN	LĐ có VL	TC SX	GD & ĐT	YT	VH	MT & ATP	HT CT & TCPL	QP & AN		
66	Xã Ngọc Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
67	Xã Ngọc Thành	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
68	Xã Ngọc Thuận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
69	Xã Thạnh Lộc	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
70	Xã Thạnh Phước	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
71	Xã Vĩnh Phú	X	X	X	X	X	X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	16	
72	Xã Vĩnh Thạnh	X	X	X	X	X	X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	16	
73	Xã Bàn Tân Định	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
74	Xã Bàn Thạch	X	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	17	
75	Xã Thạnh Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
76	Xã Thạnh Bình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
XI	Huyện Gò Quao (10)																					
77	Xã Định An	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
78	Xã Định Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
79	Xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
80	Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
81	Xã Thủy Liễu	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X				X	16	
82	Xã Thới Quản	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	X	X	X			X	X	16	
83	Xã Vĩnh Phước A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
84	Xã Vĩnh Phước B	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
85	Xã Vĩnh Thắng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
86	Xã Vĩnh Tuy	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
XII	Huyện U Minh Thượng(6)																					
87	Xã Thạnh Yên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
88	Xã Vĩnh Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận

Stt	Địa phương/Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CSV CVH	CSHT TMNT	TT& TT	Nhà ở DC	TN	HN	LĐ có VL	TC SX	GD & ĐT	YT	VH	MT & ATTP	HT CT & TCPL	QP & AN		
89	Xã Thạnh Yên A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã thông qua
90	Xã Hòa Chánh	X	X		X			X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	15	
91	Xã Minh Thuận	X	X	X	X			X	X		X		X	X	X	X	X		X	X	14	
92	Xã An Minh Bắc	X	X	X	X			X	X		X		X	X	X	X	X		X	X	14	
XIII	Huyện An Minh (10)																					
93	Xã Đông Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		18	
94	Xã Vân Khánh	X	X	X	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X	X			X	16	
95	Xã Vân Khánh Đông	X		X				X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	13	
96	Xã Đông Hưng A	X		X			X	X	X	X	X		X	X	X	X	X			X	13	
97	Xã Thuận Hòa	X		X			X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	14	
98	Xã Tân Thạnh	X		X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	X		X		X	14	
99	Xã Vân Khánh Tây	X		X			X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	14	
100	Xã Đông Hưng	X	X	X	X			X	X	X	X		X	X	X		X	X		X	14	
101	Xã Đông Hưng B	X	X	X	X			X	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X	15	
102	Xã Đông Thạnh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
XIV	Huyện Vĩnh Thuận (7)																					
103	Xã Vĩnh Bình Bắc	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
104	Xã Vĩnh Phong	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
105	Xã Vĩnh Bình Nam	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
106	Xã Tân Thuận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
107	Xã Vĩnh Thuận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
108	Xã Bình Minh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
109	Xã Phong Đông	X	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	X	X	X		X	X	16	
XV	Huyện An Biên (8)																					
110	Xã Đông Yên	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	18	
111	Xã Tây Yên A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận

Stt	Địa phương/Chi tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CSV CVH	CSHT TMNT	TT& TT	Nhà ở DC	TN	HN	LĐ có VL	TC SX	GD & ĐT	YT	VH	MT & ATTP	HT CT & TCPL	QP & AN		
112	Xã Hưng Yên	X		X	X	X		X	X		X		X	X	X		X				11	
113	Xã Tây Yên	X			X	X	X	X	X		X		X		X	X	X		X	X	13	
114	Xã Đông Thái	X		X	X	X		X	X		X		X	X	X		X		X		12	
115	Xã Nam Yên	X	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	X	X	X		X	X	16	
116	Xã Nam Thái	X	X	X	X	X	X		X				X	X	X	X	X		X	X	14	
117	Xã Nam Thái A	X		X	X	X		X	X				X		X	X	X		X	X	12	
	TỔNG CỘNG	117	103	113	110	89	86	111	115	97	107	85	117	103	117	100	113	76	100	103	1.962	
	Tỷ lệ đạt %	100	88	97	94	76	74	95	98	83	91	73	100	88	100	85	97	65	85	88		
	Bình quân số tiêu chí đạt /xã																				16,7	

KIỂM GIẤM